

Bản án số: 22/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 15/7/2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đàm Nhân Trác.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Bền

2. Ông Nguyễn Thanh Hải

-Thư ký phiên tòa: Ông Mai Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:

Bà Đinh Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2022/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khu 7, phường Tân B, thành phố Hải D; Hiện trú tại: Số 25, Đặng Quốc C, phường Lê Thanh N, thành phố Hải D;

Bị đơn: Anh Nguyễn C, sinh năm 1986; Đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn Xuân N, xã Hưng Đ, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Đức T.

(Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh C và ông Thọ đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ánh N trình bày: Trước khi chị kết hôn với anh Nguyễn C thì chị đã có một đời chồng, sau khi ly hôn với chồng cũ, chị và anh C đã gặp nhau, tự nguyện tìm hiểu, được UBND phường Tân B, thành phố Hải D, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/9/2019. Sau khi kết hôn, vì điều kiện công việc, anh C đi học thêm chuyên ngành Y ở thành phố Hồ Chí Minh, còn chị công tác tại bệnh viện nhi Hải Dương và sinh sống tại thành phố Hải

Dương, thỉnh thoảng về nhà bố mẹ anh C ở thôn Xuân Nẻo, xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ. Cuộc sống chung vợ chồng giữa anh chị hạnh phúc được với nhau một khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong thời điểm từ cuối năm 2019 đến đầu năm 2021 dịch bệnh Covid-19 kéo dài và diễn ra phức tạp, anh C không về nhà được, hai vợ chồng phải sống xa nhau, dẫn đến tình cảm của cả hai đều nhạt dần và ít có thời gian gọi điện, liên lạc với nhau, có nhiều lần cả hai còn xảy ra cãi vã nhau. Từ khoảng giữa năm 2021 cho đến nay chị và anh C không còn liên lạc, nói chuyện với nhau nữa, anh chị đã sống ly thân nhau, không ai còn quan tâm đến ai, anh C thỉnh thoảng có về thăm nhà bố mẹ ở thôn Xuân Nẻo, xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ nhưng anh chị không gặp nhau. Nay chị xét thấy không còn tình cảm gì với anh C, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện xin ly hôn với anh C.

Về con chung : Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thái B, sinh ngày 16/01/2020, hiện cháu đang sống cùng với anh C và bố mẹ anh C ở thôn Xuân Nẻo, xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ. Quan điểm của chị sau khi ly hôn là muốn được nuôi con, chị tự nguyện không yêu cầu anh C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hiện chị đang làm tại bệnh viện nhi Hải Dương, thu nhập bình quân hàng tháng được 9.000.000đ/tháng, ngoài ra chị còn mở phòng khám thêm, tổng thu nhập bình quân hàng tháng được khoảng 20.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã triệu tập anh C đến toà làm việc nhưng anh C không có mặt. Tòa án giao các văn bản tố tụng cho người thân của anh C để giao, thông báo cho anh C biết về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyệt. Tuy nhiên anh C sau khi được gia đình giao, thông báo về các văn bản tố tụng của Toà án cũng không thể hiện quan điểm cũng như không đến Tòa án để làm việc.

Tòa án cũng tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của chị N và anh C. Tại biên bản xác minh ngày 16/6/2022, đại diện lãnh đạo xã Hưng Đạo, đại diện Hội phụ nữ xã, Công chức Tư pháp - hộ tịch xã và trưởng thôn Lạc Dục, xã Hưng Đạo đều xác định: Chị Nguyễn Thị Ánh N và anh Nguyễn C tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2019, tại UBND phường Tân B, thành phố Hải D. Sau khi kết hôn, chị N và anh C có về UBND xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ sinh sống. Theo địa phương nắm được, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị N và anh C là do hai vợ chồng sống xa nhau, vào thời điểm dịch bệnh Covid-19 kéo dài hai vợ chồng trong thời gian dài không gặp được nhau, nên dẫn đến tình cảm nhạt dần, ít quan tâm đến nhau hơn, đến nay thỉnh thoảng anh C về nhà sinh sống cùng với bố mẹ nhưng địa phương không thấy chị N về sống cùng với anh C nữa. Nay chị N khởi kiện xin ly hôn anh C, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về điều kiện nuôi con của chị N và anh C thì theo địa phương nắm bắt được, anh C hiện đang đi học ngành Y tại thành phố Hồ Chí Minh chỉ thỉnh thoảng mới về nhà, còn chị N hiện đang làm tại bệnh viện nhi Hải Dương. Hiện cháu

Nguyễn Thái B, sinh ngày 16/01/2020, vẫn còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giao con cho chị N được chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Đức Tlà bố đẻ của anh C trình bày: Chị Nguyễn Thị Ánh N trước khi kết hôn với anh Nguyễn C thì đã có một đời chồng, sau khi ly hôn với chồng cũ, chị N và anh C tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2019, sau khi kết hôn xong anh C đi học Y tại thành phố Hồ Chí Minh còn chị N thì sống trên thành phố Hải Dương và công tác tại bệnh viện nhi Hải Dương. Chị N và anh C làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân B, thành phố Hải D. Cuộc sống chung vợ chồng giữa chị N và anh C có mâu thuẫn như thế nào thì gia đình ông không nắm được vì anh C, chị N chỉ thỉnh thoảng mới về gia đình ông sinh sống. Tuy nhiên, theo ông nhận xét mâu thuẫn giữa chị N và anh C là do hai vợ chồng ở xa nhau, thời điểm dịch bệnh Covid-19 anh C không về được, hai vợ chồng không gặp được nhau, dẫn đến tình cảm nhạt dần. Nay chị N khởi kiện xin ly hôn anh C thì quan điểm của gia đình là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thái B, sinh ngày 16/01/2020, hiện cháu đang sống cùng với gia đình ông, do công việc của chị N rất bận nên từ đầu năm 2021 chị N đã đưa cháu về sống cùng với gia đình ông và nhờ gia đình ông chăm sóc. Trường hợp chị N và anh C ly hôn nhau thì quan điểm của ông và gia đình là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh N là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của BLTTDS; đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của BLTTDS; đối với người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 78 của BLTTDS; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh N, xử cho chị Nguyễn Thị Ánh N được ly hôn anh Nguyễn C; Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ánh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con Nguyễn Thái B, sinh ngày 16/01/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ánh N sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt chị Nguyệt, anh C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh N và anh Nguyễn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân B, thành phố Hải D, tỉnh Hải Dương ngày 05/9/2019. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyệt và anh C là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của chị Nguyệt, biên bản xác minh tại địa phương, lời khai của người làm chứng là ông Nguyễn Đức Txác định nguyên nhân chị Nkhởi kiện xin ly hôn là do vợ chồng không hòa hợp trong cuộc sống, sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống xa nhau, mỗi người một nơi, thời điểm dịch bệnh Covid-19 kéo dài từ năm 2020 đến năm 2021 anh C không về nhà được, dẫn đến hai vợ chồng tình cảm nhạt dần và không còn nói chuyện với nhau nữa, hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ lâu, cả hai không quan tâm đến nhau và anh, chị cũng không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C đã nhiều lần được Tòa án triệu tập để lấy lời khai, đồng thời hòa giải việc ly hôn với chị Nguyệt, nhưng anh C không đến, cũng không thể hiện quan điểm muốn vợ chồng đoàn tụ. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyệt ly hôn với anh C là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị N và anh C có 01 con chung là Nguyễn Thái B, sinh ngày 16/01/2020, hiện nay cháu đang ở với anh C và ông bà nội. Khi ly hôn chị N đề nghị xin được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị N có nguyện vọng muốn được nuôi con, cháu Nguyễn Thái B, sinh ngày 16/01/2020 hiện dưới 36 tháng tuổi. Anh C đang đi học, thường xuyên không có mặt tại địa phương nên cần giao con cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nkhởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều: 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh N; Xử cho chị Nguyễn Thị Ánh N ly hôn anh Nguyễn C.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ánh N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con Nguyễn Thái B, sinh ngày 16/01/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Không yêu cầu anh C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Anh Nguyễn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ánh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2020/0004506 ngày 02/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- UBND phường Tân B, thành phố Hải D;
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đàm Nhân Trác